

Số: 04/2020/QĐST-DS

Đ, ngày 20 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Anh Hà Ngọc Ph, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Xóm ND (nay là xóm ĐĐ), xã ĐB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn:** Anh Đình Văn T1, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Xóm NT, xã ĐB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Ma Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Xóm NT, xã ĐB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:**

- Anh Hà Ngọc Ph, anh Đình Văn T1 và chị Ma Thị T thống nhất xác định vợ chồng anh Đình Văn T1, chị Ma Thị T vay anh Hà Ngọc Ph với tổng số tiền nợ gốc là 35.000.000<sup>d</sup> (Ba mươi lăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 01/02/2019.

- Vợ chồng anh Đình Văn T1, chị Ma Thị T có trách nhiệm trả nợ cho anh Hà Ngọc Ph toàn bộ số tiền nợ gốc là 35.000.000<sup>d</sup> (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Về tiền lãi: Anh Hà Ngọc Ph tự nguyện không yêu cầu anh Đinh Văn T1, chị Ma Thị T trả lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hà Ngọc Ph tự nguyện chịu 875.000<sup>d</sup> (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 875.000<sup>d</sup> (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008894 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Anh Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thái Nguyên (PKTNV);
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự (2 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thiện Hoàng**